

RELIABILITY OF THIS MAP
GIÁ TRỊ TÀI LIỆU CỦA
BẢN ĐỒ NÀY
(as determined by standard practices)

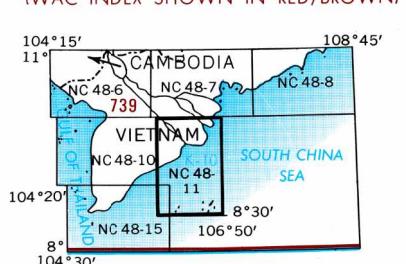
Accuracy is related to control of map:
Within 1:250,000 scale, positions
within 1/4 mile.
Within 1:100,000 scale, positions
within 1/4 mile.
Contours... within 164 ft.

Last date of map information:
1968-71
Contour interval:
100 ft
Vertical hydrography:
1968-71
Thuy-dao duong-hanh
All roads
1966-72
Tat ca cai chiet khac
Hinh-hoang Truc-cai Chuon, Thuy-tu
Truc-ke An-1966
Hinh-hoang Moi-Hoang Sea Level at Ha Tien
Binh-dien Chuon: Mat Ben Trung-Binh-Tai
Ha Tien

LOCATION DIAGRAM FOR NC 48-11
SO-DÔ VỊ TRI TỐ NC 48-11

(ONG INDEX SHOWN IN BLUE)
(BANG TIEP-HOP ONG (MAU XANH))

IWAC INDEX SHOWN IN RED/BROWN



AERODROMES (Military or Civil)

EDNA/50/1 Runway patterns known

EDNA-Name 50 Length of longest runway in hundreds of feet

s=runway or improved surface

725 Elevation

Runway pattern unknown

HELIPORT/HELIPAD

RADIO FACILITIES

RNG HORN

NDB/RNG PARIS

CONTROLLED AIRSPACE

ATLANTIC ADIZ

ADIZ

VISUAL AIDS AND OBSTRUCTIONS

Obstruction

1108 Elevation of obstruction top, above sea level.

(259) Elevation of obstruction top, above ground level.

Group obstruction

Radio facility obstruction

Power transmission line

Visual ground sign

Aero light: Marine light

RADIO AIDS TO NAVIGATION

VHF OMNI RANGE (VOR) VOR with DME

TACAN Other facilities

ATTENTION

THIS CHART CONTAINS
MAXIMUM ELEVATION FIGURES (MEF)

The Maximum Elevation Figures shown in quadrangles bounded by ticked lines of latitude and longitude are represented in THOUSANDS OF FEET of feet above mean sea level. The MEF is the maximum elevation figure concerning the highest known feature in each quadrangle, including terrain and obstructions (trees, towers, antennas, etc.).

EXAMPLE: 12500 feet

NOTES GHI CHÚ:

Powderines are shown except within populated place tints. Other obstructions are shown if they are 200' feet or more above ground level. See caution note.

THE REPRESENTATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES IS NOT NECESSARILY AUTHORITATIVE.

ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI GHĨ TRÊN BẢN ĐỒ CHƯA ĐƯỢC
MINH QUYỀN

THE REPRESENTATION OF INTERNAL BOUNDARIES IS APPROXIMATE

MÃNH GIỚI HÀNH-CHĂM TỈNH BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHÁC HỌA

VỚI TÌNH-CÁCH DAI-CƯỜNG

Names for symbolized populated places are omitted where information is not available or where density of detail does not permit their representation. See the Foreign Clearance Guide.

Mỗi xã, làng, làng-dân-cư, làng-dân-cư chèo sưu tầm dù hoặc nhieu chia-ti không dù chèo ghi.

The number in parentheses following a populated place name indicates more than one populated place is named.

Có số trong dấu ngoặc theo sau tên làng chiazza rằng

hòn mít làng có mang tên đó.

CAUTION

Vertical obstructions, including powderines, have been extracted from the most reliable sources available. They are shown as they were found, or as shown, so that their locations or heights are exact.

TERRAIN ELEVATIONS CAO ĐỘ CỦA ĐẤT

HIGHEST KNOWN elevation is 2001 feet at 8°40'N, 106°35'E

ĐIỂM CAO NHẤT trung ban đê may là 2001 bđ

tại tọa độ 8°40'N, 106°35'E.

GLOSSARY

CÓ TÙ

An, Ấp, AT... village
Cù Lao... estuary
Giồng... village
Hòn... island
Khu Trù-mát... aquaculture
Kinh... canal
Mũi... point
Phum... village
Ri, Rua... stream
Sóc, Sóc... village
Sông... stream
Thanh... village
Vinh... bay
Xã... village

GEORGE

TOA ĐÔ DIA DỰ
BASIC 15° QUADRANGLE
DANH LÝ VÙNG 15°

VG

AK BK

8°30' 8°40' N

105°50' 106°50' E

Prepared and published by the Defense Mapping Agency Hydrographic/Topographic Center, Washington, D.C., in cooperation with the National Geographic Directorate, Vietnam. Compiled December 1972.

MAGNETIC VARIATION FOR 1985 IS APPROXIMATELY
0° OVER THE ENTIRE AREA
(Annual rate of change 6' increase)

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY
WHEN NO LONGER NEEDED

SCALE 1:250,000
SÓC TRĂNG,
VIETNAM

SERIES 1501 AIR
SHEET NC 48-11
EDITION 5

SERIES 1501 COMPANION SHEET IS EDITION 3

